

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2018/DS-PT  
Ngày 07-9-2018  
V/v tranh chấp quyền  
sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tạng

*Các Thẩm phán:* Ông Đinh Chí Tâm

Ông Bùi Văn Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018 và ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11A/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện LV bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 133/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1956;

Người đại diện hợp pháp của ông H: Anh Trần Văn Chí H1, sinh năm 1984. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/01/2015).

Cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 469A/3, ấp ĐT, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn T, sinh năm 1948;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 464A/3, ấp DT, xã DH, huyện LV, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông T và bà N: Bà Võ Thị T1, sinh năm 1960. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2018).

Địa chỉ cư trú: 256, ĐBL, phường HT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Luật sư Hồ Thị Xuân H2-Văn phòng Luật sư Xuân Hương thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Phan Thị T2, sinh năm 1964;

3. Anh Trần Văn Chí H1, sinh năm 1984;

4. Chị Lê Hồng N1, sinh năm 1989;

Người đại diện hợp pháp của chị N1: Anh Trần Văn Chí H1, sinh năm 1984. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2017).

Cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 469A/3, ấp DT, xã DH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ông Trần Văn P, sinh năm 1960;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 464/3, ấp DT, xã DH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông P: Ông Trần Văn T, sinh năm 1948. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2017).

6. Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1983;

7. Chị Trần Thị Trúc L1, sinh năm 1985;

8. Anh Lâm T3, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 464A/3, ấp DT, xã DH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

9. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 94/3, ấp TT, xã PH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

10. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 536/1, ấp TB, xã PH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

11. Bà Trần Thị T4, sinh năm 1952;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 391/1, ấp TB, xã PH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

12. Bà Trần Thị C, sinh năm 1950;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 372/1, ấp TB, xã PH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

13. Ông Trần Văn L2, sinh năm 1946;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 347/3, ấp DT, xã DH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

14. Ông Trần Văn N2, sinh năm 1948;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 33/2, ấp DT, xã DH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

15. Bà Trần Thị C1, sinh năm 1967;

Địa chỉ cư trú: Ấp ĐHA, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của chị Trúc L, chị Trúc L1, anh T3, bà Đ, bà H2, bà T4, bà C, ông L2, ông N2 và bà C1: Ông Trần Văn T, sinh năm 1948. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2016, 10/01/2017, 06/10/2017, 09/10/2017).

Địa chỉ cư trú: Số nhà 464A/3, ấp DT, xã DH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

16. Ủy ban nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh P1; Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, khóm 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn T là bị đơn.

Anh H1, bà T1, bà T2, Luật sư có mặt tại phiên tòa. UBND huyện có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Thanh vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn* Trần Văn H, ông H ủy quyền cho anh Trần Văn Chí H1 trình bày:

Trước năm 1975 cha ruột của ông là cụ Trần Văn H3 có cho cụ Trần Văn P2 là cha ruột của ông Trần Văn T ở nhờ, khi cụ P2 chết thì trả lại đất, việc cho ở nhờ không có làm giấy tờ. Cụ P2 và vợ là cụ Lê Thị B ở nhờ phía trong lộ

nông thôn, cùng với các con trong đó có ông Trần Văn T. Sau khi cụ P2 chết, năm 1994 cụ B di dời nhà trả lại phần đất phía trong lộ ngang 5m, dài 12m và di dời nhà xuống phần cặp mé sông đối diện phần đất ở nhờ trước đó, được cụ H3 đồng ý cho cụ B ở đến cuối đời. Về phía ông T khi có gia đình và sinh sống bên vợ ở ST, TN, thành phố Cần Thơ. Sau đó ông T trở về có hỏi ông H cất nhà ở tạm liền kề với nhà của bà B một đến hai năm rồi sẽ chuyển đi, gia đình ông H đồng ý cho ông T ở nhờ. Năm 2012 cụ B chết con của cụ B là ông Trần Văn P di dời nhà đi nơi khác trả lại đất cho ông H, ông H có đem cây trồng thì ông T nhổ bỏ. Hết thời gian ông T không chuyển đi mà còn hỏi ông H xin được cất thêm cái mái che trên phần đất là nền nhà của cụ B ở trước đây, ông H không đồng ý, nên xảy ra tranh chấp.

Phần đất tranh chấp cụ H3 cho lại con là ông H và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 04/10/2013 diện tích là 300,2m<sup>2</sup> loại đất CLN thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 68.

Nay ông H yêu cầu hộ gia đình ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị N, chị Trần Thị Trúc L, chị Trần Thị Trúc L1, anh Lâm T3 liên đới có trách nhiệm tháo dỡ mái che cao su sọc bạc ngang 4m, dài 5m và nền gạch tàu trên phần nền nhà cũ của bà B để trả lại phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 73,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 10 tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại ấp DT, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ông H đồng ý cho hộ ông Trần Văn T tiếp tục sử dụng phần đất tại căn nhà của ông T có diện tích theo đo đạc thực tế là 95,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 10 tờ bản đồ số 68 đến hết năm 2019 di dời nhà trả lại đất.

*- Bị đơn Trần Văn T trình bày:*

Vào khoản năm 1945 cha của ông là cụ Trần Văn P2 được cụ H3 là cha của ông H cho ở nhờ phần đất phía trong lộ nông thôn và phần đất cặp mé sông. Năm 1991 ông T có vợ cất nhà ở riêng phần đất cặp mé sông có diện tích khoảng 150m<sup>2</sup>. Năm 1993 cụ P2 chết đến năm 1994 mẹ của ông là cụ B di dời nhà và cất lại xuống cặp mé sông cạnh nhà ông (T). Năm 2012 cụ B chết, nên ông Trần Văn P là em của ông di dời nhà giao phần đất lại cho ông quản lý sử dụng chiều ngang 4m, dài 16m, khi đó ông H đem cây trồng ông không đồng ý.

Ông T không đồng ý theo yêu cầu của ông Trần Văn H. Ông T yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất diện tích là 168,8m<sup>2</sup> theo sơ đồ đo đạc vào ngày

09/11/2016. Ông T tự nguyện trả giá trị đất cho ông H là 15.000.000 đồng. Bởi vì, hiện nay ngoài phần đất tranh chấp, gia đình ông T không còn chỗ ở nào khác, gia đình ông T gồm 07 nhân khẩu sử dụng đất ở diện tích 168,8m<sup>2</sup>. Nếu Tòa án chỉ công nhận một phần nền nhà ông T đang sử dụng là 95,7m<sup>2</sup> thì hộ ông T không tự nguyện trả giá trị đất. Phần đất này gia đình ông T đã liên tục đóng thuế từ năm 1993 cho đến nay.

Đối với 02 cây gạo và 01 cây bần do bên ông T trồng, mái che tạm bằng cao su ngang 4m, dài 5m, hiện nay đã cũ không còn giá trị sử dụng và nền gạch tàu diện tích 73,1m<sup>2</sup>. Ông T thống nhất, trong trường hợp Tòa án xử, buộc ông giao trả đất cho ông H thì ông T tự nguyện di dời cây trồng, mái che, nền gạch tàu và không yêu cầu bồi thường.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P trình bày:*

Ông P là em ruột của ông Trần Văn T, trước đây nhà của ông P liền kề với nhà của ông Trần Văn T, ông P sống cùng với mẹ là bà Lê Thị B.

Nguồn gốc đất mà ông P sử dụng trước đây là của cụ Trần Văn H3 cho cha mẹ ông là cụ Trần Văn P2 và cụ Lê Thị B ở rất lâu từ khoảng năm 1945 đến nay đã hơn 70 năm. Trước đây cụ H3 cho cụ P2 ở nhờ và sử dụng 03 phần đất gồm: Thứ nhất phần đất trên bờ hiện nay ông H đang ở; Thứ hai, phần đất ở mé sông hiện nay đang tranh chấp; Thứ ba, phần đất còn lại tại vị trí căn nhà của ông T. Năm 1993 cụ P2 chết, đến năm 1994 cụ B và ông P dời nhà từ trên bờ xuống mé sông ở cạnh nhà với ông T. Năm 2012 bà B chết, đến năm 2013 thì ông P di dời nhà về bên vợ cách nhà cũ khoảng 100m, phần đất này ông giao lại cho ông T, bà N sử dụng chứ không có giao trả cho gia đình ông H. Ông P không đồng ý theo yêu cầu của ông H. Vì, phần đất tranh chấp cha, mẹ ông P ở rất lâu và trước đó cha mẹ ông P đã trả lại 02 phần đất khác cho ông H.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Trúc L, chị Trần Thị Trúc L1, anh Lâm T3, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị H2, bà Trần Thị T4, bà Trần Thị C, ông Trần Văn L2, ông Trần Văn N2 và bà Trần Thị C1 ủy quyền cho ông Trần Văn T trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông T, không có tranh chấp hay yêu cầu gì khác trong vụ án này.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T2 trình bày:*

Bà T2 thống nhất với lời trình bày của ông Trần Văn H và anh Trần Văn Chí H1, không trình bày gì thêm.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Hồng N1, chị N1 ủy quyền cho anh Trần Văn Chí H1 trình bày:*

Chị N1 thống nhất với yêu cầu và trình bày của ông H, anh H1 không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Vợ chồng bà (T và N) đã từng sinh sống tại phần đất tranh chấp. Sau đó, bà và ông T đi làm ăn xa khoảng 02 đến 03 năm. Đến năm 1990 trở về, năm 1991 di dời xuống mé sông cất nhà ở. Bà N thống nhất với lời trình bày của ông T.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện LV trình bày:*

Ủy ban nhân dân huyện LV xin xét xử vắng mặt.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 11A/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện LV đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Văn H.

Buộc hộ ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị N cùng các con chị Trần Thị Trúc L, chị Trần Thị Trúc L1 và anh Lâm T3 phải tháo dỡ toàn bộ phần xây dựng là mái che tạm bằng cao su sọc ngang 4m, dài 5m, nền gạch tàu và cây trồng có trên đất trả lại diện tích 73.1m<sup>2</sup> (trong phạm vi các mốc A, M5, M8, B quay về A) theo sơ đồ tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV, tỉnh Đồng Tháp) số 118/TĐBĐ đo vẽ ngày 09/11/2016 thuộc một phần của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 68, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất ấp ĐT, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Trần Văn H đứng tên quyền sử dụng đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Văn T về việc yêu cầu được sử dụng diện tích 95,7m<sup>2</sup> loại đất CLN thuộc một phần của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 68.

Hộ ông Trần Văn T được tiếp tục sử dụng diện tích 95,7m<sup>2</sup>, đất và vật kiến trúc, các cây trồng trên đất (trong phạm vi các mốc M3, M4, A, B quay về M3 theo sơ đồ tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV tỉnh Đồng Tháp) số 118/TĐBĐ đo vẽ ngày 09/11/2016 thuộc một phần của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 68, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất ấp ĐT, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Trần Văn H đứng tên quyền sử dụng đất.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các Cơ quan có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất đối với phần đất đã tuyên trên thửa 10, tờ bản đồ số 68, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: Ấp ĐT, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Trần Văn H đứng tên quyền sử dụng đất có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp lập ngày 09/11/2016, biên bản định giá ngày 09/11/2016 của Hội đồng định giá huyện LV cùng sơ đồ tranh chấp quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LV, tỉnh Đồng Tháp số 118/TĐBĐ đo vẽ ngày 09/11/2016 kèm theo bản án này.

Án phí và chi phí:

+ Hộ ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị N cùng các con là chị Trần Thị Trúc L, chị Trần Thị Trúc L1, anh Lâm T3 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 329.000đ (Ba trăm hai mươi chín nghìn đồng) được khấu trừ 378.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 09715 ngày 22/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Ông T được nhận lại 49.000 đồng.

+ Hộ ông Trần Văn H phải chịu 431.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 05921 ngày 13/10/2016 của Chi cục Thi hành án huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Ông H phải nộp thêm 231.000 đồng.

+ Ông Trần Văn H phải chịu 1.119.500 đồng (Một triệu, một trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá (Trần Văn H đã nộp xong).

+ Hộ ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị N cùng các con là chị Trần Thị Trúc L, chị Trần Thị Trúc L1, anh Lâm T3 phải liên đới trả cho ông Trần Văn H 1.119.500 đồng (Một triệu, một trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 02 năm 2018 ông Trần Văn T kháng cáo yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất diện tích 168,8m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp DT, xã DH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 168,8m<sup>2</sup> là của cụ Trần Văn H3 cho cha mẹ ông T là cụ Trần Văn P2 và cụ Lê Thị B ở nhờ. Về phía ông T thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ H3 cho cha, mẹ ông T ở nhờ trước năm 1975, khi cho ở nhờ không có làm giấy tờ, gia đình ông T sử dụng ổn định liên tục, nên không đồng ý trả lại.

Phần đất tranh chấp, năm 2014 cụ H3 chết để lại cho con là ông H và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 04/10/2013.

[2] Xét thấy, về phần đất ông H tranh chấp có diện tích 73,1m<sup>2</sup> là vị trí tại căn nhà của cụ B, ông T thừa nhận diện tích đất tranh chấp 73,1m<sup>2</sup> là của cụ H3 cho cụ B cất nhà ở vào năm 1994. Sau khi cụ B chết, ông P là con của cụ B di dời nhà trả lại đất cho ông H. Về phía ông T cho rằng, gia đình ông sử dụng diện tích 168,8m<sup>2</sup> (kể cả phần đất tại vị trí căn nhà của cụ B) liên tục từ trước năm 1975 đến nay. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Thạnh xác định ông Thạnh cất nhà ở trên phần đất tranh chấp vào năm 1991 diện tích 95,7m<sup>2</sup>, còn cụ B cất nhà trên đất tranh chấp vào năm 1994 diện tích 73,1m<sup>2</sup>. Năm 2013 ông P di dời nhà giao phần đất lại cho ông T quản lý sử dụng là không phù hợp bởi vì, phần đất tranh chấp này không phải là đất của ông T, bản thân ông T cũng thừa nhận năm 1994 cụ B di dời nhà từ phía trong lộ nông thôn, xuống cặp mé sông, thì cụ B cũng hỏi ý kiến của cụ H3 và ông H,

được cụ H3 và ông H đồng ý cụ B mới di dời nhà.

Mặc khác, về phía ông T cũng không có chứng cứ chứng minh là cụ H3 và ông H cho gia đình ông T phần đất có diện tích 73,1m<sup>2</sup> nên Tòa án cấp án sơ thẩm xử buộc ông T giao trả lại là có căn cứ.

Phần đất có diện tích 73,1m<sup>2</sup> liền kề với phần đất tại căn nhà của ông T có diện tích 95,7m<sup>2</sup>, ông H thống nhất cho ông T ở phần đất tại căn nhà đến hết năm 2019 thì ông T có trách nhiệm di dời nhà trả lại cho gia đình ông H, không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về phía ông T có đơn phản tố yêu cầu được sử dụng toàn bộ 168,8m<sup>2</sup> trong đó có phần đất tại căn nhà của ông T. Án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông T. Ông T được tiếp tục sử dụng 95,7m<sup>2</sup>, ông H không có kháng cáo. Điều đó, chứng tỏ ông H đồng ý cho ông T được quyền sử dụng 95,7m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, theo sơ đồ tranh chấp ngày 09/11/2016 thì ranh đất giữa đất của ông H với đất của ông T là đường thẳng nối từ mốc A đến mốc B. Qua xem xét, thẩm định ngày 09/8/2018 thì đường thẳng nối từ mốc A đến mốc B sẽ vướng một phần vách và mái nhà của ông T, để đảm bảo không ảnh hưởng nhà của ông T, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho gia đình ông T chiều ngang 0,15m (lấy từ mốc A, mốc B đo hướng về phía đất của ông H 0,15m) xác định mốc C và mốc D, nối mốc C và mốc D là ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông H và ông T.

[5] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trình bày: Nguồn gốc đất cho rằng khi còn sống cụ H3 đã cho gia đình ông T phần đất tranh chấp, trong quá trình sử dụng ông T có đóng thuế và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, phần đất tranh chấp gia đình ông T sử dụng ổn định lâu dài, trong quá trình sử dụng ông Thanh có bồi đắp, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là không đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa Bản án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên phần đất tranh chấp là của gia đình ông H cho cụ B ở nhờ, sau khi cụ B chết, ông P là con của cụ B di dời nhà trả lại đất, ông T cũng không có chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp cụ H3 cho luôn gia đình ông T sử dụng, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy

định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 2, Điều 148; Khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 11A/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện LV.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Trần Văn H.

Buộc hộ ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị N cùng các con chị Trần Thị Trúc L, chị Trần Thị Trúc L1 và anh Lâm T3 phải tháo dỡ toàn bộ phần xây dựng là mái che tạm bằng cao su sọc ngang 4m, dài 5m, nền gạch tàu và cây trồng có trên đất trả lại diện tích 70,5m<sup>2</sup> (trong phạm vi các mốc D-M5-M8-C và mốc D) theo mảnh trích đo ngày 09/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, thuộc một phần của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 68, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất ấp ĐT, xã DH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Trần Văn H đứng tên quyền sử dụng đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Văn T.

Hộ ông Trần Văn T được tiếp tục sử dụng diện tích 98,3m<sup>2</sup>, (trong phạm vi các mốc M3, M4, D, C quay về M3 (theo mảnh trích đo ngày 09/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV, tỉnh Đồng Tháp), thuộc một phần của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 68, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất ấp DT, xã DH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, hiện do hộ ông Trần Văn H đứng tên quyền sử dụng đất.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí :

+ Hộ ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị N cùng các con là chị Trần Thị Trúc L, chị Trần Thị Trúc L1, anh Lâm T3 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 329.000đ (Ba trăm hai mươi chín nghìn đồng) được khấu trừ 378.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 09715 ngày 22/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Ông T được nhận lại 49.000 đồng.

+ Hộ ông Trần Văn H phải chịu 431.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, , được khấu trừ 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 05921 ngày 13/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Ông H phải nộp thêm 231.000 đồng.

Ông T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số: 0001105 ngày 26/02/2018 là 300.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí thẩm định và định giá:

+ Ông Trần Văn H phải chịu 1.119.500 đồng (Một triệu, một trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá (Trần Văn H đã nộp xong).

+ Ông T, bà N, chị Trúc L, chị Trúc L1 và anh T3 liên đới chịu 1.119.500 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá cấp sơ thẩm. Do ông H đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định và định giá là 1.119.500 đồng, nên ông T, bà N, chị Trúc L, chị Trúc L1 và anh T3 nộp 1.119.500 đồng hoàn trả cho ông H.

+ Ông T phải nộp 400.000 chi phí thẩm định cấp phúc thẩm, ông T đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Tấn Tạng**